

# **NHẬN THỨC PHẬT GIÁO**

*(Giáo dục hạnh phúc mỹ mãn)*

*Chủ giảng: Pháp sư Tịnh Không*

*Địa điểm: Thành phố Brisbane-Úc*

*Thời gian: Ngày 08/01/1996*

*Viết dịch: BBD Pháp Âm Tuyên Lư*

## **Tập 3**

Hôm qua đã giới thiệu với quý vị một cách khái quát về Phật pháp, ở Trung Quốc là lấy tứ đại Bồ-tát làm đại biểu. Bốn vị Bồ-tát này ở trong Phật giáo Trung Quốc có địa vị rất cao: Địa Tạng Bồ-tát ở núi Cửu Hoa, Quán Thế Âm Bồ-tát ở núi Phổ Đà, Văn-thù Bồ-tát ở núi Ngũ Đài và Phổ Hiền Bồ-tát ở núi Nga Mi, lấy bốn vị này làm đại biểu.

Phía trước đã nói qua với mọi người, Phật pháp có thứ lớp, có viên dung, trong thứ lớp bao hàm viên dung, trong viên dung cũng bao hàm thứ lớp. Thế nên, Phật pháp đích thực là giáo học vô cùng viên mãn, bất luận là trên nội dung hay trên cách thức đều hiển thị vô cùng viên mãn.

Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bốn Nguyên vừa mở đầu là dùng mười vàng mây sáng để hiển thị đại ý của toàn kinh. Vậy thì hỏi trong kinh Địa Tạng giảng về điều gì? Nếu bạn có thể đem mười việc này nói qua một chút thì sẽ biết được toàn bộ kinh Địa Tạng đều bao gồm ở trong đó. Những điều được nói trong kinh là đại viên mãn. Đại viên mãn đó là từ bi, trí tuệ, tam-muội, cát tường, phước đức, công đức, quy y, tán thán, kinh Địa Tạng chính là nói về những điều này. Thật ra mà nói thì nó không chỉ đại biểu cho toàn bộ kinh Địa Tạng, pháp môn Địa Tạng, nếu như đem nó nói rộng ra, triển khai ra thì chẳng phải là toàn bộ Phật pháp hay sao!

Từ đây có thể biết, năm xưa đức Phật Thích-ca Mâu-ni còn tại thế đã vì chúng ta giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm tổng kết lại chính là đại viên mãn, cũng không rời khỏi ý nghĩa của 10 câu biểu pháp trong kinh Địa Tạng.

Mười loại này đều là trong tự tánh của chúng ta vốn có đầy đủ, không phải đến từ bên ngoài, mà là trong chân tâm bản tánh của chính chúng ta xưa nay vốn đầy đủ. Thế nhưng hiện nay những trí tuệ đức năng này đều không thể hiện tiền, ngày nay chúng ta chân thật là đang mê hoặc điên đảo, năng lực này đã bị mất đi, tại sao lại bị mất? Phật nói cho chúng ta biết, là do chúng ta đã mê mất bản tánh của chính mình, sau khi mê rồi thì trí tuệ đức năng không khởi tác dụng nữa, cho nên cái mất đó gọi là mê mất, không phải là mất thật sự. Thế nên, toàn bộ giáo học của Phật pháp thường nói là “phá mê khai ngộ”; chúng ta không còn mê nữa, đều giác ngộ rồi thì trí tuệ đức năng trong tự tánh lại khôi phục tác dụng trở lại.

Từ đây có thể biết thành quả sau cùng của giáo học Phật pháp không phải là Phật cho chúng ta, mà là bản năng của chính chúng ta được khôi phục lại mà

thôi. Đúng như những gì Phật nói trong kinh Lăng Nghiêm: “*Viên mãn Bồ-đề quy vô sở đắc*”, ngay khi bạn viên mãn thành Phật rồi, thành Phật thì bạn được cái gì? Cái gì cũng không được. Những gì bạn đạt được hoàn toàn là những thứ vốn có của chính bạn. Ngoài đức năng vốn sẵn đầy đủ trong bản tánh của bạn ra thì không được thứ gì khác, chỉ là khôi phục lại trí tuệ đức năng của chính mình mà thôi.

Vì vậy, tuy là Phật hết lòng hết dạ dạy bảo chúng ta nhưng Phật không hề kể công, Phật không có nói “đây là công lao của tôi”, ngài không có ý niệm này, là chính bạn tự thành tựu. Hiện nay chúng ta mê rồi, vậy thì phải dùng phương pháp gì để giác ngộ, đây là một vấn đề lớn. Phương pháp này chính là giáo dục, chính là dạy học. Cách nhìn này cùng với cách nhìn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc chúng ta là hoàn toàn tương đồng, phải làm tốt giáo dục. Xã hội ngày nay có rất nhiều nhà lãnh đạo quốc gia không hiểu được đạo lý này, hiện nay mục tiêu duy nhất của họ là phải phát triển công thương nghiệp, đem việc này xếp vào hàng đầu mà lơ là đi giáo dục.

Nếu như quý vị đọc Lễ Kí, Học Kí thì sẽ biết, Học Kí có thể nói là giáo dục triết học thời xưa của Trung Quốc, trong đó nói được rất rõ ràng với chúng ta: “*Kiến quốc quân dân giáo học vi tiên*”, câu nói này dùng lời hiện nay để nói chính là bạn muốn xây dựng một chính quyền, muốn cai quản nhân dân cả nước thì điều gì là quan trọng nhất? Giáo dục là quan trọng nhất.

Cùng một đạo lý, Phật dạy chúng ta khôi phục tự tánh, khôi phục bản năng, vậy thì phải dùng phương pháp gì để khôi phục? Chính là dạy học. Thế nên, Phật pháp là sư đạo, Phật pháp là giáo dục, nó không phải là tôn giáo. Đây là điều mà quý vị nhất định phải nhận thức rõ ràng. Phàm là tôn giáo đều là mê tín, mê rồi thì làm sao có thể phá mê? Đã mê rồi lại còn muốn mê nữa, vậy thì làm sao được! Nhất định phải giác ngộ mới có thể phá mê. Thế nên điều mà Phật pháp đề xướng là phá mê khai ngộ, như vậy mới có thể lìa khổ được vui, cho nên đây là sư đạo.

Sư đạo nhất định phải xây dựng trên nền tảng của hiếu đạo. Nếu như người không biết hiếu thuận cha mẹ thì họ làm sao có thể tôn kính sư trưởng? Nếu không thể tôn sư trọng đạo thì làm sao có thể khai ngộ, làm sao có thể phá mê? Quan niệm, lý luận này dường như nhà Phật cùng với cổ thánh tiên hiền Trung Quốc đều đã thừa nhận.

Ngày nay, chúng ta không còn đạo thầy trò nữa, học trò không biết tôn kính thầy giáo, con cái không biết hiếu thuận cha mẹ, vậy thì vĩnh viễn không thể bàn đến việc phá mê khai ngộ. Cho nên Địa Tạng Bồ-tát, trong Phật môn chúng ta thì ngài đại biểu cho hiếu đạo; do đó kinh Địa Tạng là hiếu kính của nhà Phật, chúng ta phải bắt đầu học từ chỗ này. Học điều gì? Học hiếu! Vì sao phải hiếu thuận cha mẹ? Hiện nay rất nhiều người không biết, không hiểu được đạo lý này. Đặc biệt là phương Tây, người phương Tây không có quan niệm về hiếu đạo, cho nên người phương Tây học Phật không thể khai ngộ, đây là sự thật.

Chúng tôi sống ở nước ngoài cũng đã lâu, gặp được một số bạn nước ngoài, họ cảm thấy rất kì lạ đối với việc chúng ta kỷ niệm, cúng tế tổ tiên. Họ nói: “Tổ tiên mà các bạn nói cách đây đã mấy trăm năm, thậm chí là mấy ngàn năm trước,

khoảng cách quá xa, căn bản là chưa từng gặp mặt, vậy bạn còn kỉ niệm họ để làm gì?” Trong cách nghĩ của họ đây là chuyện rất bình thường, nhưng họ không biết được chân tướng sự thật, điều này Phật đã nói cho chúng ta biết. Chữ “hiếu” này của Trung Quốc tạo được rất hay! Thế nên văn tự Trung Quốc là văn tự tốt nhất trên toàn thế giới, bất kì quốc gia dân tộc nào [cũng không thể sánh bằng]; văn tự này là phù hiệu, bên trong mỗi một phù hiệu đều tràn đầy trí tuệ.

Văn tự Trung Quốc được tạo ra theo sáu nguyên tắc, chúng ta gọi đó là lục thư, chữ “hiếu (孝)” này là một loại trong sáu nguyên tắc đó, gọi là hội ý. Bạn vừa nhìn thấy cái phù hiệu này liền thể hội được ý nghĩa của nó, phía trên là chữ “lão (老)”, phía dưới là chữ “tử (子)”, để bạn thể hội ý nghĩa này, ý nghĩa này nói rõ điều gì? Đòi trước cùng với đòi sau là một thể. Người nước ngoài nói cha con có khoảng cách, nếu có khoảng cách thì hiếu không còn nữa, lão và tử bị tách ra rồi, vậy thì hiếu sẽ không còn nữa. Đòi trước cùng đòi sau kết hợp thành một thể thì gọi là hiếu. Cho nên, bạn phải hiểu được ý nghĩa này, đòi trước còn có đòi trước nữa, quá khứ vô thủy; đòi sau còn có đòi sau nữa, vị lai vô chung, vô thủy vô chung là chính mình, là một tự thể, ở trên văn tự Trung Quốc của chúng ta đã biểu hiện ra hàm nghĩa như vậy. Thật ra mà nói thì ý nghĩa này phải dùng Phật pháp Đại thừa mới có thể giải thích nó một cách rõ ràng tường tận được. Phật nói cho chúng ta biết, *“tận hư không khắp pháp giới là một thể của chính mình”*, đạo lý này thật quá thâm sâu.

Trên kinh Kim Cang nói “chư pháp như nghĩa”, chính là nói rõ đạo lý này. Trong Trung Quán Luận giảng “bát bất” cho chúng ta cũng là nói về đạo lý này, *“bất nhất, bất dị, bất sanh, bất diệt, bất thường, bất đoạn, bất lai, bất khứ”*, hoàn toàn là nói về đạo lý này, đạo lý này ngoài kinh Phật ra bạn không thể xem thấy được ở nơi nào khác.

Những nhà triết học, khoa học phương Tây, chúng ta xem thấy họ rất giỏi, hiện nay đang thăm dò vũ trụ, lớn thì nói đến thái không vô tận, nhỏ thì nói đến lượng tử, hạt tử. Nhưng trong Phật pháp thì đều gọi đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Không sai, sự thật của hiện tượng họ đã phát hiện được một phần, nhưng vẫn còn một số bộ phận khác chưa phát hiện. Có thể nói trong thế trí biện thông là tương đối khó được, không phải là trí tuệ chân thật, không thấy được chân tướng sự thật này, họ không hiểu được “lớn mà không ở ngoài, nhỏ mà chẳng ở trong”, là một thể của chính mình.

Bạn sáng tỏ đạo lý này rồi thì bạn mới biết được vì sao chúng ta phải tận hiếu. Không chỉ hiếu thuận với cha mẹ, trong kinh Bồ-tát Giới giảng được rất rõ ràng, tôi nghĩ trong các vị đồng học ở đây cũng đã có người thọ qua Bồ-tát giới, sau khi thọ Bồ-tát giới rồi bạn có giữ giới hay không? Bạn làm được hay không? Bồ-tát giới không hề đơn giản! Bạn phải đem tâm hiếu thuận cha mẹ của bạn mở rộng đến hiếu thuận hết thảy chúng sanh. Hết thảy chúng sanh đều là Phật tương lai, đều là cha mẹ đòi quá khứ, bạn thật sự có quan niệm này hay không? Thật sự có cách nghĩ, cách nhìn này hay không? Nếu như không có vậy thì bạn là Bồ-tát giả, bạn không phải Bồ-tát thật. Thế nên, nhất định phải hiểu được tận hư không khắp pháp giới là chính mình, sự việc này rất khó giảng, không dễ gì thể hội được.

Ở trong kinh điển Phật thường dùng thí dụ để giảng, trong các thí dụ thì ngài lấy nằm mộng để giảng là nhiều nhất. Mỗi một người chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, nếu như khi tỉnh mộng mà cảnh giới trong mộng vẫn rất rõ ràng, tự mình nghĩ thử xem mộng là từ đâu đến? Tất cả cảnh giới trong mộng là từ đâu đến? Điều này chúng ta đều biết được, mộng là từ trong tâm ý thức của chúng ta biến hiện ra. Bình thường hay nói tâm ý thức này, vậy nó ở đâu? Không biết được, tìm không thấy. Nhưng khi nằm mộng thì thấy rất rõ ràng, toàn bộ tâm thức biến thành cảnh mộng, mộng là do tâm của bạn biến hiện ra, trong mộng nhất định có chính mình. Quý vị có lần nào nằm mộng mà trong mộng lại không có chính mình hay không? Không thể nào. Trong mộng nhất định có chính mình, mình là chủ tể!

Bạn còn mộng thấy rất nhiều, rất nhiều người, có người quen biết, có người không quen biết, có người ưa thích, có người không ưa thích, những người đó từ đâu đến? Toàn là trong tâm của bạn biến hiện ra. Ngoài con người ra còn có động vật, thực vật, sơn hà đại địa, hư không, hoàn toàn là do tâm của bạn biến hiện ra. Thuật ngữ trong nhà Phật có nói: “Toàn vọng tức chân, toàn chân tức vọng”. Chân là tâm có thể biến ra cảnh mộng, đó là chân. Cảnh giới được biến ra trong mộng là hư vọng, trong lúc bạn đang nằm mộng thì tâm đó của bạn sẽ hóa thành cảnh giới như vậy, toàn bộ cảnh giới chính là tâm của bạn, tất cả là do tâm của bạn đã biến hiện ra cảnh giới đó, cho nên “chân vọng bất nhị”. Từ ví dụ này chúng ta dễ dàng thể hội được, dễ dàng hiểu được.

Phật nói chúng ta biết, vũ trụ rộng lớn trước mắt chúng ta, tận hư không khắp pháp giới, vô lượng vô biên chư Phật, vô lượng vô biên chúng sanh trong mười phương thế giới đều là do tâm của chính chúng ta biến hiện ra. Trên kinh Hoa Nghiêm nói “duy tâm sở hiện”, cảnh giới là do tâm biến hiện ra. Vì sao lại hiện ra nhiều hình dáng không giống nhau như vậy? Vì sao lại có Phật, Bồ-tát, lại có thiên đường, địa ngục? Vì sao lại có sự khác biệt nhiều đến như vậy? Là do “duy thức sở biến”, sự biến hóa, khác biệt lớn như vậy là do thức biến. Thức là gì? Chính là ngày nay chúng ta gọi là tác dụng của tâm lý, tâm tuy hiện cảnh giới nhưng tác dụng của tâm sẽ đem cảnh giới này chuyển biến, vì thế sẽ biến hóa vô cùng phức tạp. Cảnh giới bên ngoài phức tạp chính là nói cho chúng ta biết rằng tâm phân biệt của chúng ta phức tạp. Trên kinh Hoa Nghiêm đã nói ra ba loại, đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trong mỗi một loại thì mức độ phức tạp là vô lượng vô biên! Vì vậy nên mới hiển thị ra mười pháp giới, mười pháp giới là từ đây mà có, cho nên tận hư không khắp pháp giới chính là một thể.

Ở Trung Quốc chúng ta chính là dùng chữ “hiếu” để đại biểu cho ý nghĩa này, hư không pháp giới là một thể. Phật, Bồ-tát chứng đắc rồi, chứng đắc chính là đã làm rõ ràng, đã làm sáng tỏ, đã khẳng định, đã thừa nhận, một chút cũng không sai. Thế nên, Phật, Bồ-tát yêu thương, bảo hộ hết thảy chúng sanh vô điều kiện, đó là vô duyên đại từ, dùng lời hiện nay để nói thì duyên chính là điều kiện. Cha mẹ yêu thương con cái là có điều kiện, “*chúng là con cái của tôi*”, họ yêu thương có điều kiện. Không phải con cái của họ thì họ sẽ không yêu thương, còn sự yêu thương, giúp đỡ của Phật, Bồ-tát đối với hết thảy chúng sanh là không có

điều kiện, vì sao lại không có điều kiện? Vì là cùng một thể. Cho nên gọi là “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”.

Cái gì là đồng thể? Tay trái của chúng ta bị muỗi đốt thì tay phải liền đuổi nó đi, có cần hỏi tại sao tay phải lại giúp đỡ tay trái hay không? Có cần hỏi hay không? Không cần. Vì sao không hỏi mà tay phải liền giúp đỡ? Cùng một thể mà. Nó là một thể, không phải là hai, đây gọi là giác ngộ, đây gọi là không mê. Còn có ta, người, chúng sanh, còn những tướng sai biệt này thì bạn là mê mà không giác, chưa hiểu rõ chân tướng sự thật. Sau khi hiểu rõ rồi sẽ biết được tận hư không khắp pháp giới cùng với chính mình là một thể, bạn đã thật sự giác ngộ rồi.

Cho nên, muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh mê hoặc điên đảo thức tỉnh giác ngộ thì không còn cách thứ hai nào khác, chỉ có thể hết lòng mà dạy dỗ, nhẫn nại mà hướng dẫn, đây gọi là giáo dục của Phật-đà, là sư đạo. Bắt đầu dạy từ đâu? Bắt đầu dạy từ hiểu thân, dần dần dạy bạn giác ngộ, hiểu thân này là khởi điểm của giác ngộ. Nếu là người bất hiếu thì Phật, Bồ-tát nào đến dạy cũng không có tác dụng gì, họ cũng không thể khai ngộ, cho nên phải bắt đầu làm từ hiểu thân. Nếu như có thể hành hiếu đến viên mãn, không chút khiếm khuyết vậy thì thành Phật rồi. Toàn bộ sự tu học của Phật pháp chẳng qua chỉ là là tận hiếu mà thôi, hiếu làm đến được viên mãn thì đã thành Phật.

Hiếu thuận cha mẹ là lấy cha mẹ làm tiêu chuẩn, đây là người có ân đức lớn nhất trong cuộc đời của chúng ta. Cha mẹ sinh thành chúng ta, dưỡng dục chúng ta, ân đức này quá lớn, không ân đức nào nặng hơn ân đức của cha mẹ. Chúng ta không chỉ nuôi dưỡng cha mẹ, đây là điều phải làm; dưỡng thân thể của cha mẹ, chúng ta gọi là chăm sóc đời sống vật chất, ngoài điều này ra còn phải dưỡng tâm của cha mẹ, đừng để cha mẹ lo lắng.

Cha mẹ thường hay lo lắng cho con cái, phận làm con phải biết được điều này, nếu thường xuyên để cha mẹ lo lắng buồn rầu thì đó là bất hiếu. Thí dụ nói, hiện nay bạn đang học ở trường, học tập không tốt làm cho cha mẹ lo lắng! Vậy thì học không tốt chính là bất hiếu. Hạnh kiểm không tốt cha mẹ lại lo lắng, cũng là bất hiếu! Kết giao bạn bè xấu làm cho cha mẹ lại lo lắng, không tôn kính, không nghe lời thầy giáo, cha mẹ lại lo lắng!

Người có thể tận hiếu chính là người hoàn hảo. Phật, Bồ-tát là người hoàn hảo, không có một mảy may khiếm khuyết, có thể thấy được hành hiếu không phải là chuyện dễ. Bạn sống trong gia đình mà anh em bất hòa với nhau cha mẹ sẽ buồn lòng; tương lai sau khi kết hôn mà vợ chồng không hoà thuận cha mẹ cũng lo lắng; bạn ở bên ngoài làm việc, bạn không nỗ lực, không chăm chỉ làm việc, bị cấp trên trách phạt, cha mẹ lại lo lắng nữa. Thế nên, bạn mới hiểu được sức mạnh của chữ hiếu này lớn biết dường nào!

Ngoài điều này ra còn phải dưỡng chí của cha mẹ, việc này là khó nhất. Cha mẹ không chỉ hy vọng con cái có sự nghiệp thành công mà còn hy vọng con cái có đức hạnh cao thượng, không những được người trong một thời đại tôn kính, mà trải qua nhiều đời, đời đời kiếp kiếp khi nhắc đến người này thì mọi người đều tôn kính họ, sẽ làm vẻ vang mặt mày cha mẹ. Từ đây có thể biết, muốn đạt

đến cứu cánh, bạn phải thật sự thành Phật rồi thì chữ hiệu ấy mới làm được viên mãn. Đẳng giác Bồ-tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, đối với hiệu đạo vẫn còn một chút khiếm khuyết, vẫn là chưa viên mãn. Cho nên, hiệu đạo nói đến cứu cánh viên mãn chính là thành Phật. Giáo dục của nhà Phật là bắt đầu từ chỗ này và cũng quay về viên mãn ngay chỗ này.

Thế nên, chúng ta học Phật phải bắt đầu học từ chỗ nào? Bắt đầu học từ Địa Tạng. Vì vậy, theo thói quen thông thường của tôi, khi một đạo tràng mới được thành lập thì bộ kinh đầu tiên tôi nhất định sẽ giảng là kinh Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyện, như vậy có đất rồi. Giảng bộ kinh này mới gọi là khai quang cho đạo tràng này, đây là khai quang thật sự, khai quang như vậy không có một chút nào mê tín. Phần sau tôi sẽ giảng giải rõ cho mọi người về ý nghĩa của khai quang; hiện nay hoàn toàn là hình thức, không có nội dung thực chất, đây là xây dựng nền tảng cho đạo tràng, ý nghĩa này vô cùng quan trọng.

Sau đó chúng ta đem tâm hiệu thân này mở rộng ra, trong Giới kinh của Đại thừa có nói “hiếu kính hết thầy chúng sanh”, đây đã biến thành đại từ đại bi. Người nào đại biểu cho đại từ đại bi? Là Quán Thế Âm Bồ-tát. Cho nên, hiệu đạo của Địa Tạng Bồ-tát hướng lên thêm một bậc nữa chính là Quán Thế Âm Bồ-tát. Người lạy Quán Thế Âm Bồ-tát rất nhiều, cầu Quán Thế Âm Bồ-tát bảo hộ, xem Bồ-tát giống như thần linh để cúng bái, Quán Thế Âm Bồ-tát bị oan ức vô cùng. Bạn đã xỉ nhục ngài, bạn khinh thường ngài như vậy, thử hỏi ngài còn bảo hộ bạn hay không? Không có đạo lý này. Chúng ta cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát dụng ý là ở chỗ nào? Khi nhìn thấy tôn tượng này thì phải nghĩ mình đối với tất cả mọi người phải đại từ đại bi.

Quán Thế Âm Bồ-tát ở đâu? Chính chúng ta là Quán Thế Âm Bồ-tát. Bức tượng này đặt ở nơi đây, bạn noi theo bức tượng này để tu sửa bản thân, đây chính là Phật pháp, đây chính là giáo học. Một tôn tượng hoặc một danh hiệu đặt ở nơi đó là thời thời khắc khắc nhắc nhở bạn phải đại từ đại bi với hết thầy chúng sanh; yêu thương, chăm sóc vô điều kiện, giúp đỡ làm lợi ích vô điều kiện cho hết thầy chúng sanh, đây là Quán Thế Âm Bồ-tát. Ở trong kinh điển thì Quán Thế Âm Bồ-tát là dạy cho chúng ta những điều này.

Vị thứ ba là Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, vị Bồ-tát này đại biểu cho trí tuệ, cũng chính là nói về sự tu học của chúng ta. Chúng ta chung sống với hết thầy đại chúng, chúng ta tận hiếu, tu từ bi nhất định phải dựa vào lý trí, không thể làm việc theo tình cảm. Văn-thù Bồ-tát đại biểu cho lý tánh, ngài đại biểu cho trí tuệ, lý luận, không phải cảm tình. Trong cảm tình thì có phiền não, có mê hoặc, còn lý tánh là giác.

Sau cùng đạt đến cứu cánh viên mãn, đây là hiệu kính, từ bi, lý trí ứng dụng vào đời sống hằng ngày, ứng dụng vào công việc của chúng ta, ứng dụng vào trong đối nhân xử thế, đối người tiếp vật của chúng ta, đó gọi là Phổ Hiền Bồ-tát. Phổ là phổ biến, bình đẳng phổ biến. Tôi tốt, tôi cũng hy vọng tất cả chúng sanh ai ai cũng tốt, không có người nào không tốt, đây gọi là Phổ Hiền. Viên mãn hạnh Phổ Hiền Bồ-tát rồi thì lúc này đã thành Phật.

Phổ Hiền Bồ-tát là được nói đến trong kinh Hoa Nghiêm, nhưng hiện nay chúng ta chọn lấy kinh Vô Lượng Thọ. Người xưa nói kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm. Phân lượng của kinh Hoa Nghiêm rất lớn, bất luận là trên lý luận hay trên sự thật thì đều là đời sống của chúng ta. Công việc mỗi ngày của chúng ta, xử sự thường ngày như đối người, tiếp vật, những việc nhỏ nhặt, chi tiết đều giảng được rất tường tận. Cũng chính là nói rằng, kinh điển của Phật là dạy cho chúng ta làm sao để trải qua ngày tháng, làm sao để trải qua một đời sống hạnh phúc mỹ mãn, đời sống hoàn toàn tương ứng với chân tướng của vũ trụ nhân sinh, đời sống như vậy mới mỹ mãn! Cũng chính là nói, trải qua đời sống của chư Phật, Bồ-tát mới là đời sống đại viên mãn. Phật pháp là dạy những điều này cho chúng ta, đây mới thật sự là pháp Đại thừa cứu cánh viên mãn. Cho nên, trong Phật pháp làm gì có mê tín?

Trước tiên, chúng ta phải đem ý nghĩa biểu pháp của danh hiệu, hình tượng Phật, Bồ-tát làm cho rõ ràng, nếu không mà nói thì học Phật như vậy đích thật là mê tín, những lợi ích chân thật trong Phật pháp bạn nhất định sẽ không đạt được. Đường lối nhập môn này là có thứ lớp tu hành: “Hiếu thân tôn sư, từ bi, lý trí, bình đẳng”, là đồng thời tu; trong đồng thời có thứ lớp, trong thứ lớp có đồng thời, đây giống như trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Hành bố bất ngại viên dung, viên dung bất ngại hành bố”, hành bố chính là thứ lớp.

Thí dụ, bạn làm từ hiếu thân trước, sau đó nâng lên đến đại từ đại bi, rồi lại bồi dưỡng lý trí, rồi lại bồi dưỡng thêm tâm lượng rộng lớn, đây là có thứ lớp. Tuy có thứ lớp nhưng cũng có thể cùng lúc tu học mấy khoa mục. Giống như năm khoa mục nói ở phía trước, một tức là năm, năm tức là một, trong bất kỳ cái nào nó cũng đều hàm nhiếp tất cả. Trong hiếu thân sẽ bao gồm cả từ bi, lý tánh, trí tuệ. Trong trí tuệ cũng bao gồm cả hiếu thân, từ bi, đây chính là ý nghĩa của câu “hành bố bất ngại viên dung, viên dung bất ngại hành bố”.

Sau khi cơ bản hiểu được ý nghĩa của Phật pháp rồi, chúng ta muốn hỏi cụ thể là phải làm thế nào để thực tiễn trong đời sống của chúng ta? Đây là giáo học chân thật của Phật pháp, trong tất cả các kinh luận đều có. Cho nên thực tế mà nói, tu học theo kinh điển thì chỉ cần một bộ kinh là đủ rồi. Trong mỗi một bộ kinh đều đầy đủ tất cả ý nghĩa, vấn đề là bạn phải thật sự đọc hiểu kinh, bạn phải làm được nó thì mới có tác dụng.

Chúng ta tu học Tịnh độ tông, mục tiêu của Tịnh độ tông là cầu sanh Tịnh độ gặp A-di-đà Phật, A-di-đà Phật đã làm được hiếu đạo đến cứu cánh viên mãn rồi. Quý vị thử nghĩ xem, nếu chúng ta không hiếu thuận cha mẹ thì quý vị có thể đến được thế giới Cực Lạc hay không? Không thể đến được. A-di-đà Phật đại từ đại bi cũng không thể đem một người bất hiếu với cha mẹ, cho dù hằng ngày niệm A-di-đà Phật, một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, niệm bực A-di-đà Phật thì ngài cũng không thể vì tình riêng mà tiếp dẫn bạn được, không có đạo lý này!

A-di-đà Phật dạy chúng ta như thế nào? Tịnh độ có “ba kinh một luận”, đây là kinh điển căn bản của Tịnh độ. Ba kinh gồm: kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ và kinh A-di-đà, đây là Tịnh độ ba kinh. Trong ba kinh thì lấy kinh Vô Lượng Thọ làm quan trọng nhất. Kinh Vô Lượng Thọ là đại cương

của Tịnh tông, là khái luận của Tịnh tông, đã đem thế giới Tây Phương Cực Lạc giới thiệu rất tường tận cho chúng ta. Còn kinh Quán Vô Lượng Thọ là tài liệu bổ sung cho kinh Vô Lượng Thọ, đối với lý luận của Tây Phương Tịnh độ thì trong Quán kinh bổ sung được rất rõ ràng, vô cùng quan trọng. Phương pháp vãng sanh, mười sáu phép quán này là đưa ra phương pháp, giảng được rất tường tận. Bạn xem trong kinh Vô Lượng Thọ chỉ giảng về “ba bậc vãng sanh”, còn trong kinh Quán Vô Lượng Thọ giảng về chín phẩm, giảng được rõ ràng hơn. Đạo lý nhân quả: “*Niệm Phật là nhân, vãng sanh thành Phật là quả*”, đã làm một bổ sung rõ ràng tường tận cho những đạo lý này.

Phật Thuyết A-di-đà Kinh là tiểu bản, nội dung của cuốn kinh nhỏ này là khuyên chúng ta phải tin tưởng, phải phát nguyện, phải cầu sanh Tịnh độ. Trong kinh A-di-đà, đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã khuyên bảo chúng ta bốn lần, thật sự là hết lòng khuyên bảo. Một lần rồi lại hai lần, hai rồi lại ba, ba rồi lại bốn, bốn lần khuyên bảo chúng ta. Cơ hội này không thể luống qua, luống qua rồi thì quá đáng tiếc! Tu học của Tịnh tông chúng ta chính là y theo ba bộ kinh này. Một luận là Vãng Sanh Luận, Vãng Sanh Luận là do Thiên Thân Bồ-tát viết. Hay nói cách khác, bộ sách này chính là báo cáo của Thiên Thân Bồ-tát về việc tu hành vãng sanh của ngài khi y chiếu theo kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán Vô Lượng Thọ, rồi nêu ra kinh nghiệm của ngài để cung cấp cho chúng ta làm tham khảo tu học, đây là báo cáo tu hành vãng sanh của bản thân ngài.

Ngày nay, Tịnh độ đã có năm kinh, nhiều hơn hai kinh, hai kinh này từ đâu có? Trong ấy có một kinh là vào thời Hàm Phong triều nhà Thanh, Hàm Phong cách chúng ta hiện nay kể ra cũng không quá xa. Quý vị biết được, những năm cuối triều nhà Thanh có một người tên là Từ Hy Thái Hậu, Từ Hy là phi tử của Hàm Phong, lúc đó bà vẫn chưa là hoàng hậu, là phi tử của vua Hàm Phong. Thời Hàm Phong có cư sĩ Ngụy Nguyên, ông là người tu Tịnh độ, rất thông đạt Phật pháp. Ông đem quyển sau cùng của kinh Hoa Nghiêm là *Phổ Hiền Bồ-tát Thập Đại Nguyện Vương Đạo Quy Cực Lạc*, đem quyển này hợp vào phía sau của Tịnh độ ba kinh, bấy giờ trở thành Tịnh độ bốn kinh. Cho nên, nếu như quý vị đọc chú sớ của người xưa sẽ thấy trong ấy có đề cập đến Tịnh độ bốn kinh, chính là nói bốn kinh này. Ông đem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện xếp vào trong kinh luận của Tịnh độ, có đạo lý hay không? Rất có đạo lý.

Chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thì sẽ hiểu được, bạn xem phẩm thứ hai kinh Vô Lượng Thọ là Đức Tuân Phổ Hiền, trong kinh văn Phật nói với chúng ta: “*Đều cùng tu theo đức của Phổ Hiền Đại sĩ*”, “*đức của Phổ Hiền Đại sĩ*” chính là thập đại nguyện vương. Từ đây có thể biết Tịnh độ cùng Hoa Nghiêm có mối quan hệ rất mật thiết. Có thể nói Hoa Nghiêm là giảng về lý luận và phương pháp, còn Tịnh độ là chân thật nói về sự tu hành chứng quả của Hoa Nghiêm. Vì thế nên chúng ta mới biết được thế giới Tây Phương Cực Lạc là pháp giới của Phổ Hiền Đại sĩ, phàm là người sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều là Phổ Hiền Bồ-tát.

Phần trước đã nói qua với chư vị, Bồ-tát là danh xưng chung, không phải chuyên chỉ một người. Chỉ cần người này tu thập đại nguyện vương thì họ chính là Phổ Hiền Bồ-tát. Mỗi một người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, trên là đức



Phật A-di-đà, dưới là hết thầy chúng sanh đều tu Phổ Hiền thập đại nguyện vương; cho nên đó là thế giới của Phổ Hiền, hết thầy đều là Phổ Hiền Bồ-tát. Cũng giống như một trường học vậy, có cấp 1, cấp 2, đến cấp 51, Bồ-tát có 51 giai vị<sup>1</sup>, dù lớn hay nhỏ đều là Phổ Hiền Bồ-tát, thật quá khó được!

Trên Hoa Nghiêm Phật nói cho chúng ta biết: “*Bồ-tát không tu hạnh Phổ Hiền thì không thể thành Phật*”. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm là kinh đệ nhất trong Phật môn chúng ta. Bất luận là tông nào, phái nào cũng đều thừa nhận Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản, là đại cương của Phật pháp. Bất luận là trên lý hay trên sự đều giảng được rất rõ ràng tường tận, sau cùng còn thêm phần biểu diễn cho chúng ta xem, đó là 53 lần tham học của Thiện Tài đồng tử, 53 vị thiện tri thức đại biểu cho điều gì? Chính là xã hội ngày nay của chúng ta, nam nữ già trẻ, các ngành các nghề, ở ngay nơi làm việc của mình; bạn đang học cái gì, bạn đang làm công việc gì, bạn đang sinh sống trong hoàn cảnh như thế nào, thì ở ngay trong hoàn cảnh sinh hoạt ấy, không cần phải thay đổi một chút nào cũng có thể tu hạnh Phổ Hiền, đây thật sự là lợi ích vô lượng vô biên.

Thực tế mà nói thì bộ kinh này quá lớn, hiện nay đã không còn người giảng nữa. Lúc tôi ở miền nam Đài Loan có vài vị pháp sư gặp tôi thường khuyên tôi, mong muốn tôi giảng kinh Hoa Nghiêm. Họ nói: “Nếu ông không giảng thì e rằng sau này sẽ không còn người giảng”. Điều này tôi cũng biết, nhưng duyên chưa chín muồi. Tôi rất muốn giảng qua một lần, tiếc là duyên chưa đủ, cơ duyên chưa chín muồi. Nếu giảng một lần bộ kinh này thì mỗi ngày cần 2 giờ đồng hồ, phải giảng trong 4 năm mới có thể giảng viên mãn. Hiện nay, tôi chưa có cách gì tìm được một nơi để ở đó 4 năm không đi đâu, giờ có quá nhiều nơi tìm tôi nên tôi phải đi bôn ba khắp nơi, cho nên việc giảng bộ kinh này là tương đối khó khăn.

Lần này, ở Singapore giảng kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, tôi dự định thời gian là 4 tháng, đại khái khoảng 4 tháng là có thể giảng viên mãn, tương đối không dễ dàng! Hiện nay, kinh đã giảng được khoảng 3/4, vẫn còn một phần nhỏ chưa giảng xong. Tôi giảng xong ở nơi đây liền gấp rút đến Singapore để giảng cho viên mãn bộ kinh ấy, có lẽ khi trở về Singapore trong khoảng thời gian 1 tháng là có thể giảng hoàn tất. Cho nên quý vị phải biết, muốn giảng viên mãn một bộ kinh là việc tương đối không dễ dàng, đặc biệt như kinh Hoa Nghiêm, quá hiếm có, quá khó được. Trung Quốc từ xưa đến nay, người nào trong một đời có thể nghe được bộ kinh Hoa Nghiêm thì đó là nhân duyên vô cùng hiếm có.

Theo lịch sử Phật giáo Trung Quốc chúng ta thì trong quá khứ có Đại sư Thanh Lương chân thật là hiếm có khó được, cả đời ngài đã giảng kinh Hoa Nghiêm 50 lần, 50 lần đó giảng như thế nào? Một ngày giảng 8 giờ đồng hồ, một năm giảng một bộ, giảng 50 năm, hình như ngài sống đến 130 tuổi, rất trường

---

<sup>1</sup> Bồ-tát giai vị (菩薩階位): Các giai vị mà Bồ-tát phải trải qua từ lúc mới phát tâm Bồ-đề cho đến khi thành Phật.

Thông thường dùng từ **Vị** hoặc **Tâm** gọi thay từ giai vị, như: Thập tín vị (Thập tín tâm), Thập hồi hướng vị (Thập hồi hướng tâm) v.v... Nhưng về sự phân chia giai vị và tên gọi của nó, các kinh luận nói khác nhau. Trong các học thuyết về thứ bậc Bồ-tát như: 41 giai vị (kinh Hoa Nghiêm), 51 giai vị (kinh Nhân Vương), 52 giai vị (kinh Anh Lạc), 57 giai vị (kinh Thủ-lăng-nghiêm) thì 52 giai vị (Thập tín vị, Thập trụ vị, Thập hạnh vị, Thập hồi hướng vị, Thập địa vị, Đẳng giác, Diệu giác) trong *kinh Bồ-tát Anh Lạc Bản Nghiệp* là hoàn chỉnh nhất, vì lẽ giai vị không thiếu sót và nói chung được sử dụng rộng rãi.

thọ! Cho nên trước đây nghe kinh phải đăng kí, đến ở trong chùa, cư sĩ tại gia cũng như vậy, đến chùa xin đăng kí nghe kinh, tức là ghi tên, “*tôi muốn nghe bộ kinh này*”, trong chùa cũng phân chỗ ở cho bạn. Vì ăn uống ở trong chùa nên đại khái sẽ giao cho bạn làm một ít công việc, không thể ăn không ngồi rồi, giao cho bạn làm một ít việc công quả; ở đó một năm thì nghe xong một bộ kinh, bạn muốn nghe thêm một lần nữa cũng được.

Cho nên tu hành thời trước, chúng ta ở trong lịch sử Phật giáo, ở trong truyện ký xem thấy, bất luận là xuất gia hay tại gia, thường thường là 3 năm đến 5 năm họ liền khai ngộ, liền có sự thành tựu. Ngày nay học Phật, học mấy mươi năm, học cả đời vẫn là mê hoặc điên đảo. Nguyên nhân là gì? Sức huân tập quá ngắn, cho nên khó!

Bạn xem những đạo tràng trước đây, mỗi ngày nghe kinh 8 giờ đồng hồ, chùa chiền là trường học, người xuất gia là thầy giáo, ngày nào cũng giảng kinh thuyết pháp; nghe kinh 8 giờ đồng hồ, đó là giải môn giúp khai trí tuệ, lại niệm Phật 8 giờ đồng hồ, một ngày 16 giờ đều không có vọng tưởng, đều không khởi tham, sân, si, mạn. Tâm của họ làm sao không thanh tịnh cho được! Ngày ngày không gián đoạn như vậy, huân tập như vậy, huân tập bạn từ 3 đến 5 năm thì tự nhiên bạn liền đắc định, được tam-muội, khai ngộ. Ngày nay thì không được, hiện tại đạo tràng này cũng khá tốt, ngày ngày giảng kinh, một ngày giảng 2 giờ đồng hồ, chúng ta mới được 1 tiếng rưỡi, cứ tính là 2 giờ đồng hồ đi. Trong 24 giờ vẫn còn 22 giờ khởi vọng tưởng, bạn nói xem còn có tác dụng gì? Như vậy vẫn chưa có lợi ích! Ngày trước trong 24 giờ thì 16 giờ tâm của họ đã ở trong đạo, như vậy mới được lợi ích; cho nên người xưa thành tựu như vậy, chúng ta xem thấy rồi, cảm thấy kỳ lạ, thực tế là có đạo lý của họ. Cho nên, thời gian 2 giờ đồng hồ là không đủ! Nhất định phải tập trung toàn bộ tinh thần vào nơi đây.

Mấy năm trở lại đây, tôi ở các nước như Mỹ, Đài Loan, Singapore, Trung Quốc đại lục xem thấy có một số người, họ dùng phương pháp gì vậy? Họ đem băng thu âm của tôi viết thành văn tự, có lúc một ngày phải dùng đến mười mấy giờ đồng hồ lấy băng thu âm nghe đi nghe lại nhiều lần rồi chép lại từng câu, từng câu một, chép xong một bộ kinh Vô Lượng Thọ thì họ đã có một chút công phu. Muốn chép xong một bộ kinh Vô Lượng Thọ cũng cần thời gian hơn một năm, nghe từ băng thu âm rồi chép lại từng chữ, từng chữ một. Khi nghe qua thì họ sẽ không nhớ hết, muốn chép được một câu thì phải tua đi tua lại nhiều lần để nghe, toàn bộ tinh thần đều tập trung vào nơi ấy, họ sẽ không khởi vọng tưởng, cũng không sanh phiền não, họ dùng phương pháp này. Tôi biết được không nhiều, có mười mấy người, họ nói với tôi rằng họ chân thật đã khế nhập rồi. Do đó, thời gian huân tập phải dài thì sự tu học của chúng ta mới có thể đạt được lợi ích chân thật.

Trong năm kinh còn một kinh nữa là *Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông Chương*, đây là một đoạn kinh văn trong kinh Lăng Nghiêm, cũng không dài, chỉ có 244 chữ, còn ngắn hơn so với Bát-nhã Tâm Kinh, Bát-nhã Tâm Kinh là 260 chữ. Đoạn kinh này là do Đại sư Ấn Quang đề xuất thêm vào gần đây, mọi người đều biết vào năm đầu Dân Quốc, Đại sư Ấn Quang đem đoạn kinh văn này thêm vào phía sau của Tịnh độ bốn kinh, sau đó trở thành Tịnh độ năm kinh, hiện

nay chúng ta lưu thông quyển kinh này. Vậy còn cần phải thêm vào kinh nào nữa hay không? Nói cho quý vị biết là không cần nữa, kinh điển của Tịnh độ tông đã đạt đến viên mãn rồi.

Lúc tôi còn trẻ, học kinh ở Đài Trung là tôi chuyên nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm. Tôi học kinh với thầy Lý là lấy kinh Lăng Nghiêm làm chủ đạo. Tôi đã giảng qua kinh Lăng Nghiêm rất nhiều lần, ít nhất có đến sáu, bảy lần, nhưng vẫn chưa phát hiện được chương này quan trọng đến như vậy. Đến khi nhìn thấy Tịnh độ năm kinh rồi thì mới nghĩ ra, đây là Đại sư Ấn Quang đã nhắc nhở tôi, quay lại xem đoạn kinh văn này trong kinh Lăng Nghiêm thì thấy hoàn toàn khác hẳn. Phát hiện ra *Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên Thông Chương*, 244 chữ này là tâm kinh của Tịnh độ tông chúng ta! Không những là tâm kinh của Tịnh độ tông, mà có thể nói giá trị của đoạn kinh này vượt qua cả Bát-nhã Tâm Kinh, có thể đại biểu cho tâm kinh của Đại tạng kinh Phật giáo, cũng chính là tinh hoa toàn bộ kinh điển của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, thật sự là không thể nghĩ bàn.

Đại sư Ấn Quang không phải là người bình thường, trong Đại tạng kinh có thể đem bộ kinh này đề xuất làm trung tâm của toàn bộ kinh Tạng. Tầm nhìn này không phải người bình thường có thể nhìn ra, như vậy là kinh điển của Tịnh độ tông đã đầy đủ. Ngày nay Tịnh độ tông của chúng ta có năm kinh một luận, y theo đây mà tu học thì một đời này của bạn quyết định thành tựu, cuộc sống hiện tại nhất định đạt được hạnh phúc mỹ mãn.

Do đó, sau khi thành lập Học hội Tịnh độ tông, chúng tôi sẽ vì các bạn đồng tu chuyên tu Tịnh độ định ra năm khoa mục phải tuân theo trong đời sống hằng ngày. Năm khoa mục này chính là từ trong Tịnh độ năm kinh mà nêu ra. Thứ nhất là Tịnh nghiệp Tam phước, Tam phước là lấy ra từ trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, vô cùng quan trọng, đây là nền tảng của tu hành, căn bản của căn bản. Trong kinh Phật nói rõ với chúng ta, ngài nói ba điều này là “*chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật*”, câu nói này vô cùng quan trọng. Ba đời là quá khứ, hiện tại và vị lai; hay nói cách khác, hết thấy những người thành Phật, họ đã tu như thế nào? Điều là dùng cái này để làm nền tảng, chúng ta biết được tu học bất kỳ pháp môn nào cũng có thể thành Phật, vô lượng pháp môn đều có thể thành Phật, vô lượng pháp môn ấy đều là xây dựng trên nền tảng này, cùng là một nền tảng, điều này chúng ta nhất định không thể lơ là.

Trong Tam phước thì phước thứ nhất là phước báo trời người. Bạn muốn làm Phật, làm Bồ-tát thì trước tiên phải làm một người tốt, nếu người mà cũng không làm được tốt thì Phật, Bồ-tát sẽ không có phần. Điều kiện cơ bản để làm người, Phật nói với chúng ta bốn câu: “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu mười nghiệp thiện*”. Chúng ta phải làm được bốn điều này, phải thật sự làm mới được! Sau khi nghe rồi thì về nhà liền phải hiếu thuận cha mẹ, tôn kính thầy giáo, tiếp nhận lời dạy bảo của thầy. Nhưng hiện nay hiếu đạo đã không còn, sư đạo cũng không còn, đây là nỗi bi ai lớn của người thời nay chúng ta. Đây là sự thật hiển nhiên, trong mắt người thời nay không có người lớn, họ làm sao có thể thành tựu cho được?

Giáo dục thời xưa là phụ huynh kết hợp chặt chẽ với thầy giáo để dạy bảo một đứa trẻ nên người, đôn phương thì không thể làm được. Thí dụ như bạn là cha mẹ, nếu như con cái của bạn không hiểu thuận thì bạn rất khó mở miệng ra nói: “Con là con của ta, vì sao con không hiểu thuận ta?” Lời này không thể nói ra được! Cần ai nói vậy? Cần thầy giáo nói. Thầy giáo là người thứ ba, thầy dạy học trò hiểu thuận cha mẹ. Bản thân thầy giáo cũng không thể yêu cầu học trò rằng: “Con là học trò của ta, con phải tôn sư trọng đạo”, lời này cũng không thể nói ra. Vậy ai sẽ nói? Cha mẹ sẽ nói. Cha mẹ dạy con cái tôn kính thầy giáo, tôn sư trọng đạo, còn thầy giáo sẽ dạy học trò hiểu thuận cha mẹ. Hai bên phải phối hợp với nhau thì mới có thể dạy tốt, phối hợp mật thiết, cách dạy chính là như vậy.

Thật ra mà nói thì ngày nay cha mẹ nuôi nấng con cái nhưng không quan tâm đến việc dạy dỗ chúng. Khi gặp thầy giáo tốt, muốn nghiêm khắc dạy bảo một chút, học sinh cảm thấy oan ức, bực dọc liền về nhà mách cha mẹ, vậy thì xong rồi, có khi thầy giáo còn phải đi hầu tòa. Ngày nay thầy giáo không dám dạy học trò. Tôi đã dạy học ở Đài Loan được 5 năm, những thầy giáo như chúng tôi thường hay ngồi lại với nhau, rất cảm khái mà nói lời thật lòng của mình: “*Làm thầy giáo, mỗi tháng nhận được bao nhiêu tiền lương là được rồi, học sinh thì sao? Cứ cho điểm số đạt tiêu chuẩn là được, vậy là được rồi, thế là vui vẻ, hai bên đều vui vẻ*”. Học trò gạt thầy giáo, thầy giáo gạt học trò, nhà trường gạt phụ huynh, phụ huynh gạt nhà trường, gạt qua gạt lại như vậy rồi biến thành thế giới lừa gạt. Thế giới này còn có tương lai hay không? Ngày nay xảy ra tình hình như vậy, chúng ta thật sự muốn giúp cũng giúp không được!

Có không ít người, ngay cả rất nhiều vị pháp sư, đồng tu ở Trung Quốc đại lục đều khuyên tôi giảng những bộ kinh lớn. Tôi không phải là không muốn giảng, bao nhiêu năm nay đã muốn giảng nhưng không có cơ hội. Trong Phật pháp gọi là không đủ cơ duyên, cũng chính là không có điều kiện và không có hoàn cảnh. Mọi người nhất định phải có phước báo, phước báo là phải chân chánh giác ngộ!

Có thể làm được hiếu kính. Hiếu thân và tôn sư là một sự việc, ngày trước rất xem trọng còn ngày nay thì không biết, quên mất rồi, không có người giảng. Bạn xem vào thời xưa, thí dụ lấy triều nhà Thanh mà nói, cuối triều nhà Thanh, năm đầu Dân Quốc người đọc sách thời đó khi đỗ đạt công danh, giống như cử nhân, tiến sĩ của nhà Thanh, học vị thấp nhất là tú tài. Sau khi thi đậu rồi thì việc đầu tiên họ làm là về quê cúng tế tổ tiên, không quên nguồn cội, là tận hiếu! Đây là tận đạo hiếu. Con cháu có được công danh rồi thì việc lớn thứ hai là phải đi cảm tạ thầy giáo. “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng”, ngay cả hai câu này cũng không thể làm được thì trên con đường học Phật bạn sẽ không có chỗ đứng. Bạn học Phật là học cái gì? Những gì bạn học đó chỉ là đàm huyền thuyết diệu, không giải quyết được vấn đề, đó là giả, chẳng phải thật. Chân thật học Phật thì phải bắt đầu làm từ chỗ này.

Nếu bạn không biết cái gì gọi là hiếu? Tại sao phải hiếu? Vậy thì bạn hãy đọc Địa Tạng ba kinh. Địa Tạng Bồ-tát có ba bộ kinh, ngoài kinh Bốn Nguyên ra còn có kinh Đại Thừa Địa Tạng Thập Luân và kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, đây là Địa Tạng ba kinh, trong đây nói rõ ràng đạo lý này cho chúng ta.

Từ trên cơ sở này lại nâng lên cao là phước báo Nhị thừa, cũng chính là nói chúng ta đã có điều kiện tốt để làm người rồi thì mới có thể học Phật, mới có thể trở thành đệ tử Phật, mới có thể vào cửa Phật. Điều kiện bước vào cửa Phật trước tiên phải thọ trì Tam quy, sau đó phải trì giới, giữ quy củ, không phạm oai nghi. Cho nên điều thứ hai có ba câu: *“Thọ trì Tam quy, đầy đủ các giới, không phạm oai nghi”*. Tôi nghĩ rất nhiều vị đồng tu đều đã thọ Tam quy, đây là quy y thật hay quy y giả? Đều là hình thức, không có nội dung, không có thực chất. Hay nói cách khác đó là giả quy y, giả mạo đệ tử Phật, không phải là thật.

Nội dung ý nghĩa của Tam quy chúng ta sẽ tìm một khoảng thời gian khác để giảng riêng đề tài này một lần, rất quan trọng! “Quy” là quay đầu, quay đầu là bờ; “y” là nương tựa, từ chỗ nào mà quay về? Từ nơi tất cả sai lầm mà quay về. Chúng ta đối với vũ trụ nhân sinh đều đã nghĩ sai, nhìn sai, nói sai và làm sai; phải từ nơi tất cả sai lầm quay đầu trở lại, nương vào Tam bảo để sửa chữa tất cả sai lầm của chúng ta, đó gọi là nương tựa.

Tam bảo là gì? Mọi người đều biết đó là Phật - Pháp - Tăng. Bạn biết được Phật - Pháp - Tăng nhưng không biết được ý nghĩa của ba chữ Phật - Pháp - Tăng. Vậy thì nói theo cách khác là bạn vẫn chưa có quy y. Phật - Pháp - Tăng không phải nói ở bên ngoài, Phật bên ngoài giống như những tượng Phật làm bằng đất sét, bằng gỗ. Có câu nói: “Bồ-tát bằng đất qua sông bản thân còn khó giữ”. Bạn nương vào đó, vậy thì làm sao đáng tin được? Không thể tin cậy được. Pháp bảo là kinh sách, từ xưa đến nay những kinh sách bị hủy hoại không biết là bao nhiêu! Cũng không thể nương tựa được. Người xuất gia là phàm phu, đời sống của họ còn phải nhờ vào tín đồ, không có tín đồ họ sẽ chết đói, nương vào họ có đáng tin hay không? Cũng không đáng tin cậy. Cho nên, trong nhà Phật thường nói: “Tín đồ tại gia là cơm áo cha mẹ”, nghĩ đủ mọi cách để nắm giữ tín đồ, không thể để tín đồ chạy mất. Tín đồ mà đi mất thì đời sống của chúng ta cũng đi luôn. Việc này đúng như câu nói: “Hòa thượng không làm trò, cư sĩ không đèn lạy”, vậy thì có thể nương nhờ được sao!

Tóm lại ý nghĩa của Tam bảo là gì? Phật nói rõ ràng cho chúng ta đó là “tự tánh Tam bảo”. Phật dạy bạn quy y là quy y tự tánh Tam bảo của chính bạn chứ không phải những gì ngoài tâm tánh của bạn. Phật có nghĩa là giác ngộ, *“tự tánh giác chính là Phật bảo, tự tánh chánh chính là Pháp bảo, tự tánh tịnh chính là Tăng bảo”*. Cho nên, Tam bảo Phật - Pháp - Tăng là Giác - Chánh - Tịnh.

Có lẽ vấn đề của việc quy y Tam bảo là từ thời nhà Đường đã xảy ra ngộ nhận, mọi người đều xem hình tượng Phật, Bồ-tát, kinh sách, người xuất gia thành Tam bảo. Lúc quy y thì đây là thầy quy y của tôi, vị kia không phải. Ở đó khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta làm sao biết được từ khi nào có cái sai lầm này? Là do lúc đọc Lục Tổ Đàn kinh mới phát hiện ra. Khi ấy Đại sư Lục Tổ truyền thọ Tam quy cho người ta, ngài đã không nói Phật - Pháp - Tăng. Vì sao ngài không nói Phật - Pháp - Tăng? Trong sự tưởng tượng của chúng tôi thì nhất định là sợ danh từ này sẽ khiến cho mọi người sanh ra hiểu lầm nên ngài nói Giác - Chánh - Tịnh; ngài dùng danh từ quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh, quý vị đọc Đàn kinh sẽ thấy được. Khi chúng ta nghe đến danh từ này sẽ không sanh ra hiểu lầm, rất rõ ràng. Sau đó Lục Tổ nói cho chúng ta biết: “Phật là giác,

Pháp là chánh, Tăng là tịnh”. Khi đã giải thích ra thì Giác - Chánh - Tịnh chính là Phật - Pháp - Tăng, đây là đem tự tánh Tam bảo hiển thị ra cho chúng ta.

Thế nên, chúng ta rõ ràng về việc quay đầu đó, giác mà không mê nghĩa là chúng ta từ mê hoặc điên đảo quay về nương tựa vào tự tánh giác. Hay nói cách khác, trong đời sống thường ngày của chúng ta, khi đối nhân xử thế, khi làm việc chúng ta phải dựa vào lý trí, không thể dùng cảm tình, đây chính là quy y Phật. Phật là trí tuệ, là giác ngộ. Dùng cảm tình để làm việc là mê hoặc điên đảo, Tam quy chính là dạy cho chúng ta những điều này. Quy y Pháp, Pháp là chánh tri chánh kiến, cũng chính là đem cách nghĩ, cách nhìn sai lầm của chúng ta sửa đổi trở lại, nhất định phải có tư tưởng đúng đắn, cách nhìn đúng đắn, đây gọi là quy y Pháp. Tăng là sáu căn thanh tịnh mây trần không nhiễm. Không cần biết người xuất gia như thế nào, nhưng chính mình phải quay đầu phản tỉnh, chính chúng ta phải thời thời khắc khắc giữ tâm thanh tịnh, tâm lý đừng bị ô nhiễm, tinh thần đừng bị ô nhiễm, tư tưởng đừng bị ô nhiễm, kiến giải đừng bị ô nhiễm, trước sau đều giữ gìn tâm thanh tịnh thì đó gọi là quy y Tăng. Ý nghĩa của tăng là thanh tịnh, đây gọi là Tam quy y.

Khi các bạn quy y thì cho rằng quy y với một vị pháp sư, cho rằng vị pháp sư này là thầy quy y của tôi, thầy kia không phải. Bạn xem, các bạn là đang quy y mê - tà - nhiễm, tâm của các bạn đã bị vị pháp sư ấy làm cho ô nhiễm rồi; “*đây là sư phụ của tôi, vị kia không phải*”, tâm của bạn không phải bị họ ô nhiễm rồi sao! Cho nên cái mà quý vị quy y là gì? Là mê - tà - nhiễm, đó đâu phải là đệ tử Phật. Đệ tử Phật là giác - chánh - tịnh, “giác mà không mê, chánh mà không tà, tịnh mà không nhiễm”, đây mới là đệ tử của Tam bảo. Cho nên ngày nay học Phật, ngay từ ngày quy y đã sai rồi, mới sai mà sai đến tận cùng, bạn còn muốn làm Phật sao? E là còn cách quá xa, quá xa, không đọa địa ngục thì kể ra cũng may mắn lắm rồi, đây là phiền phức lớn, cho nên nhất định phải làm cho rõ ràng. Tam quy y là nhập môn, sau khi nhập môn rồi thì đây vẫn là nền tảng, nâng cao lên nữa là nền tảng của Đại thừa.

Đại thừa có bốn câu: “*Phát Bồ-đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả*”. Bốn câu này là sau khi bạn quy y rồi lại nâng cao cảnh giới thêm một bậc nữa, bảo bạn phải phát Bồ-đề tâm. Bồ-đề tâm là gì? Bồ-đề là dịch âm từ tiếng phạn Ấn Độ, ý nghĩa là giác ngộ, quyết định không thể mê hoặc. Cho nên, tu học Đại thừa lấy Bồ-đề tâm làm căn bản.

Bạn xem, chúng ta vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, trong 48 nguyện của A-di-đà Phật quan trọng nhất chính làm nguyện thứ 18 và nguyện thứ 19. Nguyện thứ 18 nói về điều gì? Nói về “mười niệm nhất định vãng sanh”. Còn nguyện thứ 19 chính là nói về “phát Bồ-đề tâm”. Trong kinh văn bạn xem thấy có ba bậc vãng sanh: Bậc thượng, bậc trung và bậc hạ, trong ba bậc vãng sanh đều có cùng một cách nói là “*phát Bồ-đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, quý vị xem trong kinh văn thì ba bậc vãng sanh đều nói như vậy. Từ đây có thể biết, điều kiện vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là tám chữ này. Nếu bạn không phát Bồ-đề tâm thì bạn làm sao có thể vãng sanh? Niệm Phật cũng không thể vãng sanh.

Bồ-đề tâm là gì? Là giác ngộ. Phải như thế nào mới được tính là giác ngộ? Trong đây có vài nguyên tắc quan trọng. Thứ nhất phải biết được thế gian này là khổ, thế gian này thật sự là khổ. Người tuổi tác như chúng tôi đây đã nếm đủ cay đắng lắm rồi, còn những thanh niên 20, 30 tuổi như các bạn sẽ không biết được, các bạn là sau đại chiến thế giới lần thứ hai mới sanh ra nên không gặp phải những khổ nạn này, kể ra là người rất có phước báo. Nhưng phước báo của bạn, bạn có thể đảm bảo hưởng được đến già hay không?

Sau này bạn có chắc mình sẽ không gặp tai nạn hay không? Không ai dám đảm bảo cho bạn. Năm nay là 1996 rồi, dự ngôn của phương Đông và phương Tây đều nói rằng năm 1999 là ngày tận thế, nói rằng khi tai nạn lớn này đến thì người trên địa cầu sẽ chết 2/3. Cho nên, bạn nghĩ thử xem, phước báo của bạn có thể giữ đến già được không? Dự đoán này là lời tiên đoán của người xưa, lời dự đoán của mấy trăm năm trước. Lời dự đoán của Trung Quốc khoảng hơn 1000 năm trước cũng nói rằng vào thời đại này sẽ có tai nạn. Nhưng trong lời dự đoán của người Trung Quốc chúng ta không hề nói ngày tận thế, không nói nghiêm trọng như vậy. Lời tiên đoán của phương Tây thì nói rất nghiêm trọng, nói rằng ngày tận thế đã đến. Thế nhưng chúng ta không quan tâm đến những lời dự đoán ấy, mà chúng ta hãy tỉ mỉ xem thử xã hội thời nay, chúng ta dùng lý tánh để xem, xem từ chỗ nào? Từ lòng người mà xem, quá đáng sợ! Không thể sánh bằng 30 năm trước, lòng người của 30 năm trước so với người thời nay thuần hậu, chất phác hơn nhiều. Lòng người thời nay so với lòng người của 30 năm trước hoàn toàn là không giống nhau, tự tư tự lợi, tôn người lợi mình. Người thuở trước cũng có nghĩ lợi mình, nhưng nói chung vẫn không đến nỗi hại người. Người thời nay lại muốn tổn hại người khác, vậy thì làm sao được! Sự động loạn của toàn thế giới, ngay cả khí hậu của địa cầu cũng đã biến đổi, đều không bình thường nữa. Đây là điều mà chúng ta cần phải đề cao cảnh giác. Nếu như không thật sự nỗ lực đoạn ác tu thiện, thành thật niệm Phật, e rằng lúc tai nạn này đến sẽ không có cách gì tránh khỏi, thật sự đáng sợ. Tuy rằng thời gian này rất gần nhưng vẫn còn 3 năm, 3 năm vẫn còn kịp, nếu như chúng ta thật sự làm được tốt thì vẫn còn kịp. Bây giờ mà không nỗ lực làm thì không kịp nữa, vì thời gian còn rất ngắn. Cho nên, đây là phát Bồ-đề tâm, cảnh giác thứ nhất là thế gian này khổ, biết được thế giới Tây Phương Cực Lạc vui, chúng ta phải lìa khổ được vui, đây là chân chánh giác ngộ.

Giác ngộ thứ hai là phải làm lợi ích cho chúng sanh, phải xả mình vì người. Chúng ta thử nghĩ xem, điều mà chúng sanh ngày nay cần thiết nhất là gì? Chính là giáo dục của Phật-đà, không gì quan trọng hơn việc này. Thế nên, bên đây chúng ta có mấy vị đồng tu cũng tương đối khó có được, họ ở nơi này xây dựng Học hội Tịnh tông, hy vọng có thể xây dựng Phật pháp ở nơi đây, thật khó có được! Họ tìm đến tôi, tôi thì tùy duyên, mọi người có cái tâm này thì tôi đến giúp đỡ. Còn nếu như quý vị không có tâm này thì tôi sẽ đến nơi khác, nơi nào có duyên thì tôi sẽ đến nơi đó.

Thế nhưng việc quan trọng nhất là phải bồi dưỡng nhân tài hoàng pháp, vì “người có thể hoàng đạo chứ đạo không thể hoàng người”. Ngày nay, kỹ thuật in ấn phát triển, chúng ta đã in ấn được rất nhiều kinh điển, phát đi khắp nơi trên thế

giới nhưng tiếc là không có người giảng. Mọi người không những xem không hiểu mà còn hiểu sai đi ý nghĩa, nhất định phải có người giảng. Do đó ngày nay, việc làm lợi ích chúng sanh lớn nhất không gì vượt hơn việc bồi dưỡng nhân tài giảng kinh, công đức này là công đức bậc nhất, không gì có thể sánh bằng. Tôi ở đây hy vọng các đồng tu Học hội Tịnh tông bên đây hướng đến mục tiêu này mà làm. Tâm lượng phải lớn, không phải vì đạo tràng của mình, không phải vì một địa phương, một quốc gia nào, chúng ta phải vì toàn thế giới.

Một quốc gia được tốt nhưng các nơi khác không tốt thì những ngày tháng sinh sống của chúng ta vẫn là rất khó trải qua. Mọi người đều tốt rồi thì đời sống của chúng ta mới trải qua được tốt. Lời xưa của Trung Quốc thường nói: “*Một nhà no ấm ngàn nhà oán*”. Bạn là người giàu có, còn người khác thì nghèo khổ, những người nghèo đó sẽ đố kị bạn, oán hận bạn, giờ phút nào cũng muốn hại bạn, cuộc sống của bạn làm sao có thể bình yên được. Khi mọi người đều giàu có rồi thì cuộc sống của chúng ta mới tốt được. Cho nên, tầm nhìn phải rộng, phải nhìn cho xa, hy vọng toàn thế giới đều tốt thì chúng ta sẽ tốt. Vậy thì chúng ta phải làm từ đâu? Bắt đầu làm từ việc bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp, đây là việc hiếm có khó được. Người hoằng pháp nhiều rồi, người giảng kinh nhiều rồi, mọi người hiểu được đạo lý của Phật pháp dần dần sẽ giác ngộ, như vậy mới có thể phá mê khai ngộ, mới có thể lìa khổ được vui, đây gọi là phát Bồ-đề tâm.

“Tin sâu nhân quả”, đây là nói về Bồ-tát, Bồ-tát vẫn chưa tin nhân quả hay sao? Thiện có thiện báo, ác có ác báo, chúng ta đều tin tưởng. Nhân quả mà Bồ-tát tin tưởng không phải là nhân quả mà chúng ta nói đến, là nhân quả gì vậy? Chính là “*niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”. Đích thực là loại nhân quả này, chúng ta xem thấy trong kinh luận có rất nhiều vị Bồ-tát đều không biết nhân quả này. Cho nên phải tin tưởng niệm Phật là nhân, vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc nhất định thành Phật, đây là quả.

“Đọc tụng Đại thừa”, đối với người tu Tịnh độ như chúng ta, Đại thừa chỉ đọc bộ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, nhất môn thâm nhập. Nếu như bạn cảm thấy không đủ thì Tịnh độ có năm kinh một luận là đủ rồi, đã rất phong phú rồi, không cần phải thêm nhiều nữa. Ở ngay đây cắm rễ, ra hoa kết trái, đem nó phát dương quang đại, một kinh thông thì hết thầy kinh đều sẽ thông.

Sau cùng là “khuyến tấn hành giả”. Từ đây có thể biết, những điều được nói ở phía trước hoàn toàn thuộc về tự lợi, câu sau cùng là bảo chúng ta đem những lợi ích, điều tốt của chính bản thân chúng ta đạt được nói lại cho người khác để làm lợi ích hết thầy chúng sanh, giúp họ nhận biết Phật pháp, hiểu rõ Phật pháp, tu học Phật pháp, thành tựu Phật pháp. Thành tựu Phật pháp chính là thành tựu vô lượng vô biên pháp môn trí tuệ, là ý nghĩa này.

Đây là Tam phước, là khoa mục thứ nhất trong năm khoa mục của chúng ta. Hôm nay thời gian đã hết, lần sau sẽ tiếp tục giới thiệu cho quý vị về Lục hòa, Tam học, Lục độ, Thập nguyện, ngày mai sẽ giảng về bốn khoa mục này.

Hẹn gặp lại mọi người!